CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

Ngày 30/09/2025	13,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.4%	**4.8%**	**-2.2%**

DT thuần
Q3/25
23.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.00| 4.7%
YoY: ▼97.5| -80.5%

LN thuần
Q3/25
0.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.61| -60.9%
YoY: ▼2.18| -84.7%

LN sau thuế
Q3/25
0.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.18| -88.8%
YoY: ▼2.61| -94.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.7%
YoY: +/-▼ 17.8%

ROE (TTM)
Q3/25
14.5%
YoY: +/-▼ 0.5%

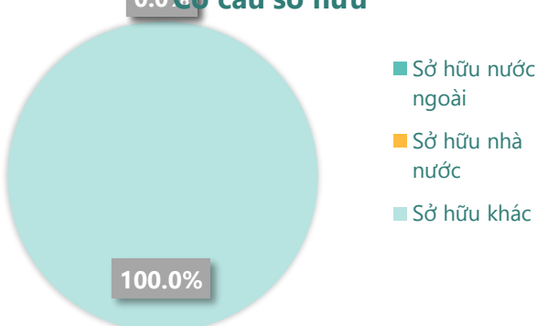
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,800 - 16,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	198
Số lượng CPLH (CP)	15,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,215
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.34
EPS	3,374
P/E	3.9

DT thuần
9T 2025
56.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼255| -81.8%

LN thuần
9T 2025
0.89
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.20| -89.0%

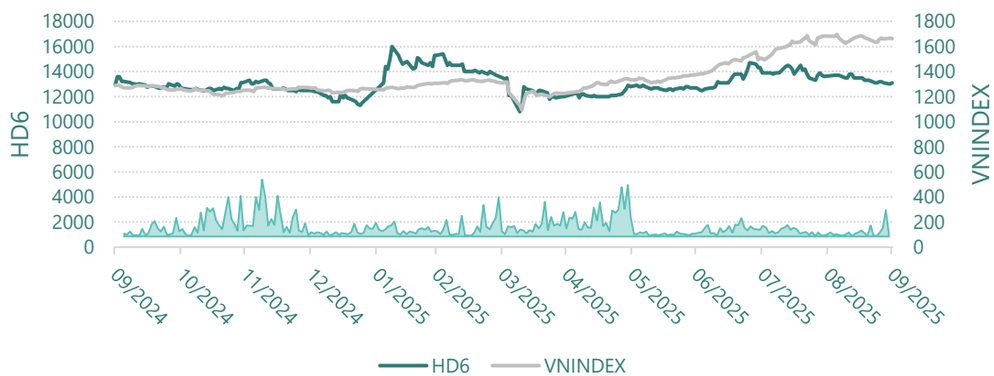
LN sau thuế
9T 2025
1.57
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.05| -79.4%

Cơ cấu sở hữu

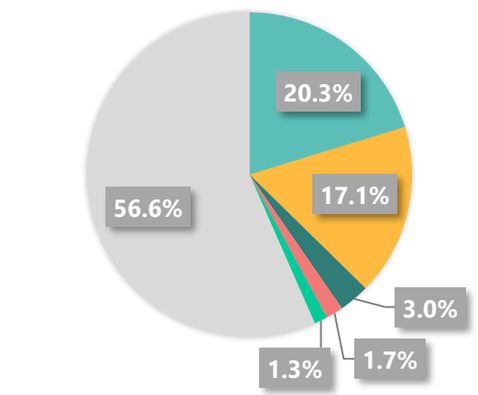


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

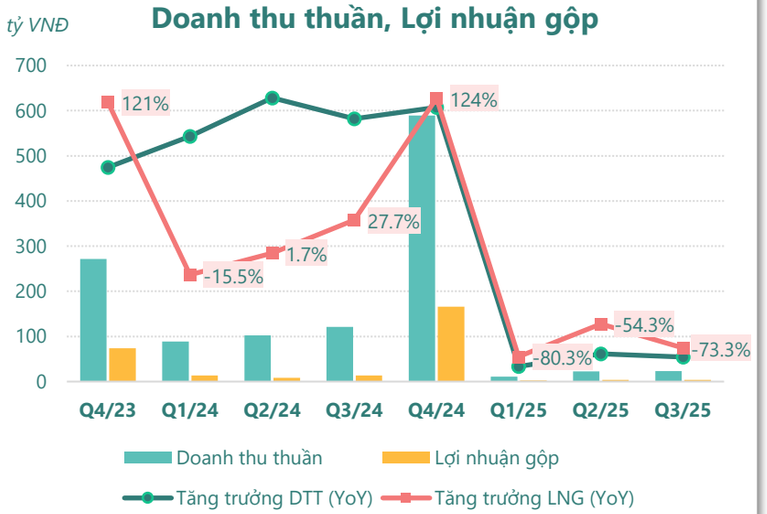


- Lê Quốc Bình (Chủ tịch HĐQT)
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội
- Vũ Tuấn Anh (Thành viên HĐQT)
- Phạm Ngọc Chiến (Thành viên HĐQT)
- CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

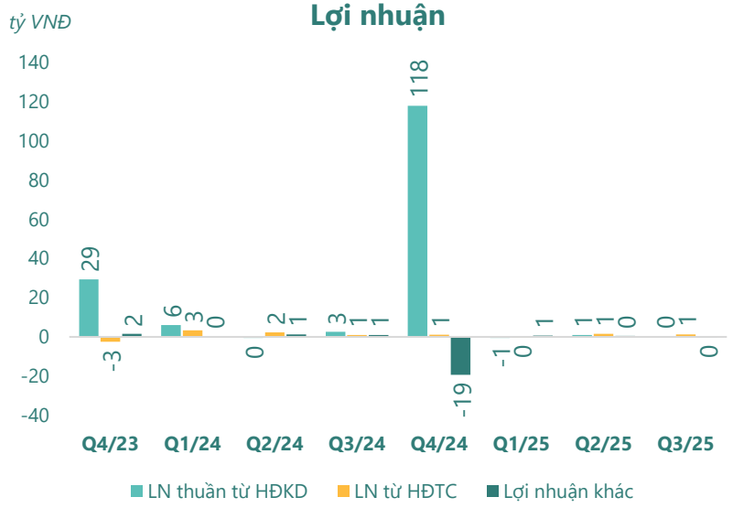
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



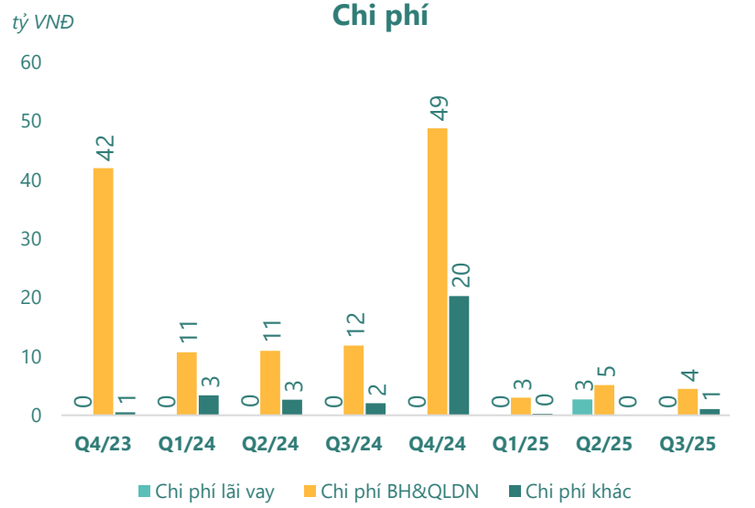
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



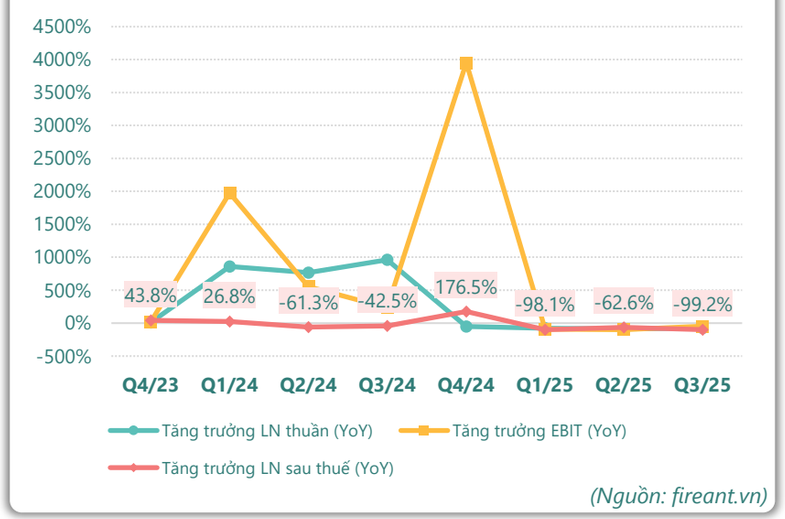
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



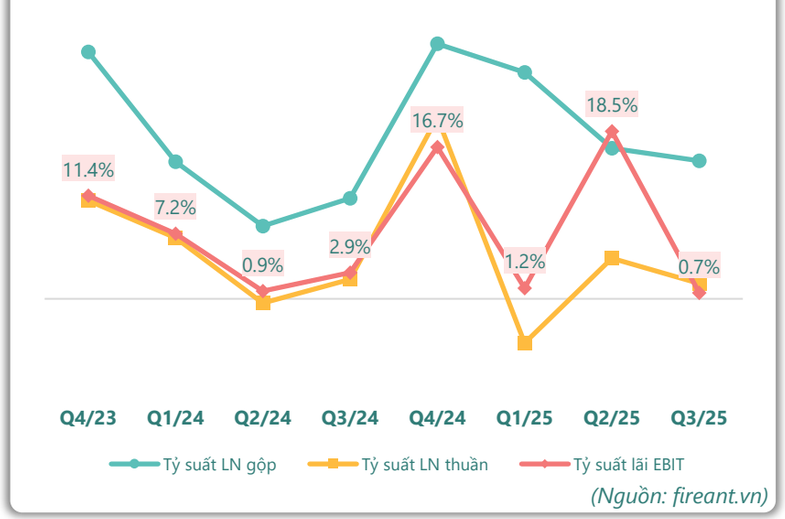
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



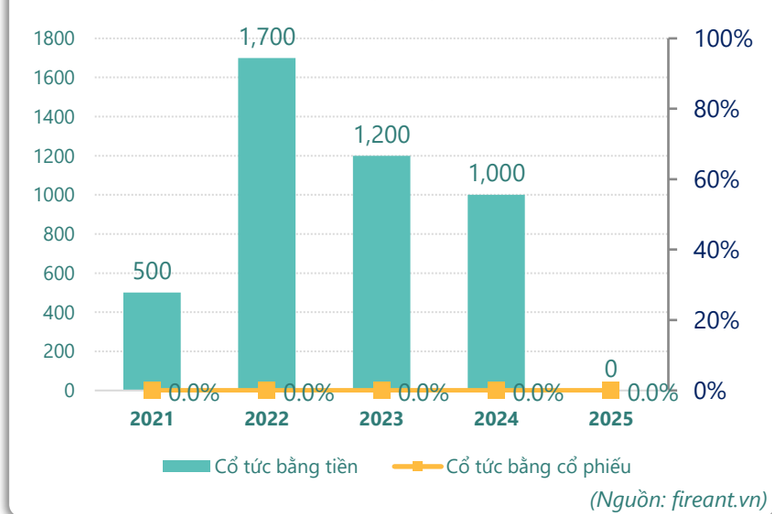
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

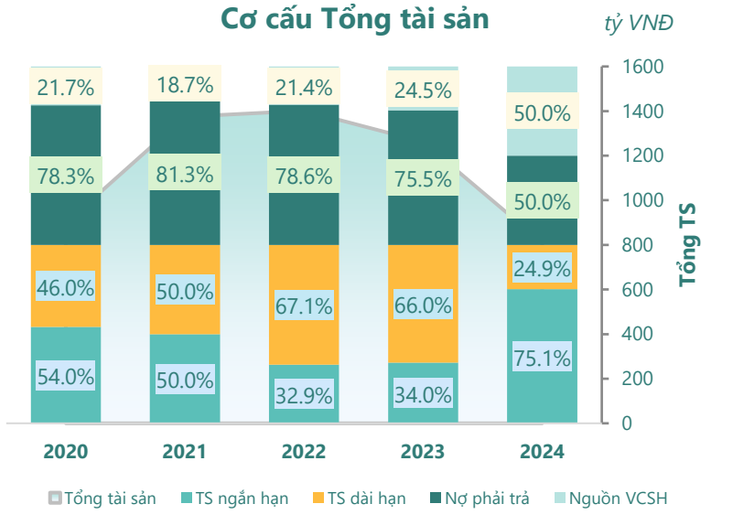
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

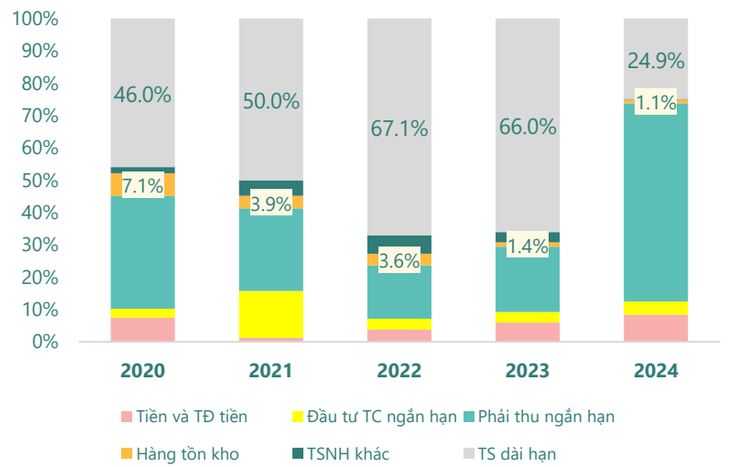
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



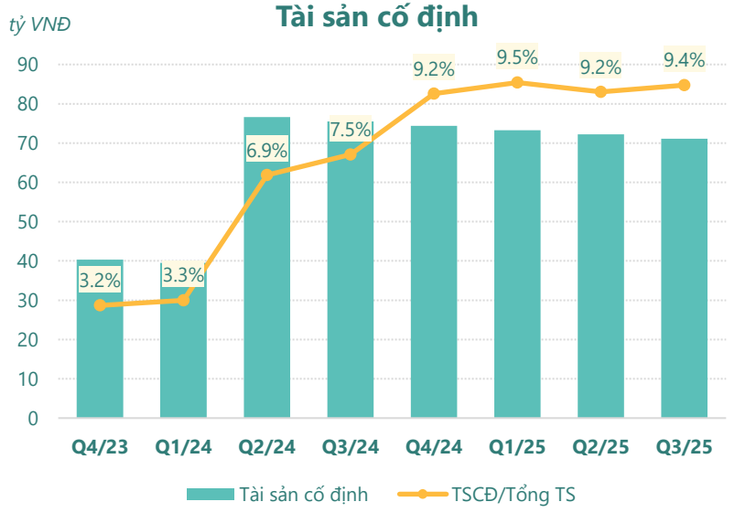
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



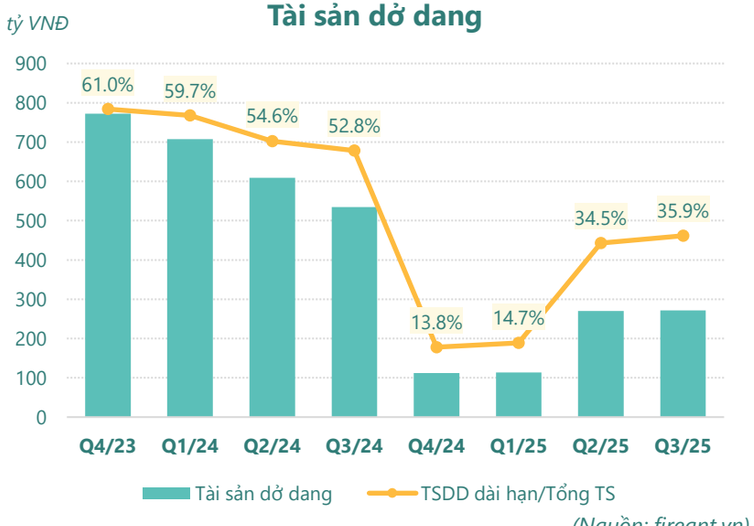
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



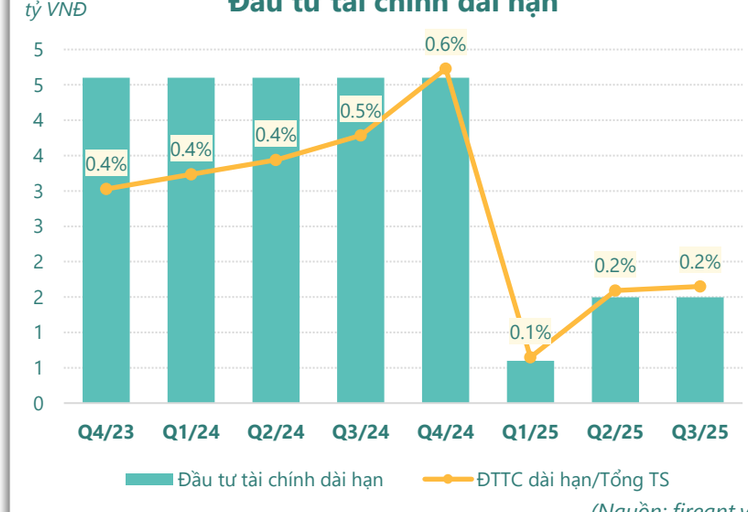
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



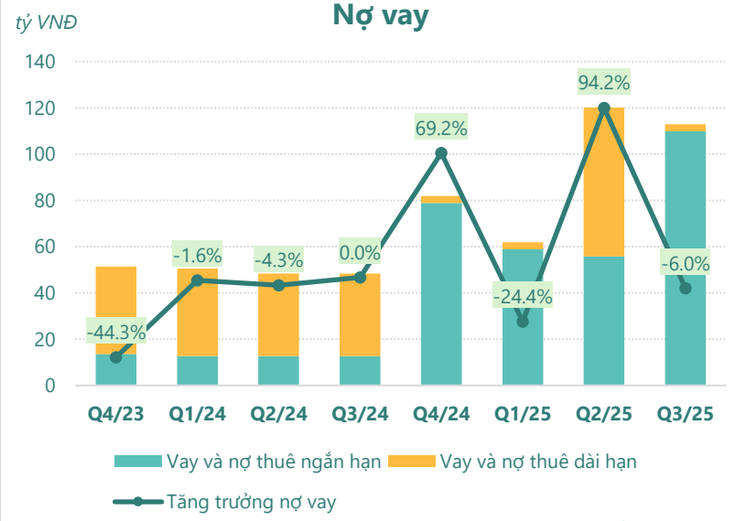
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

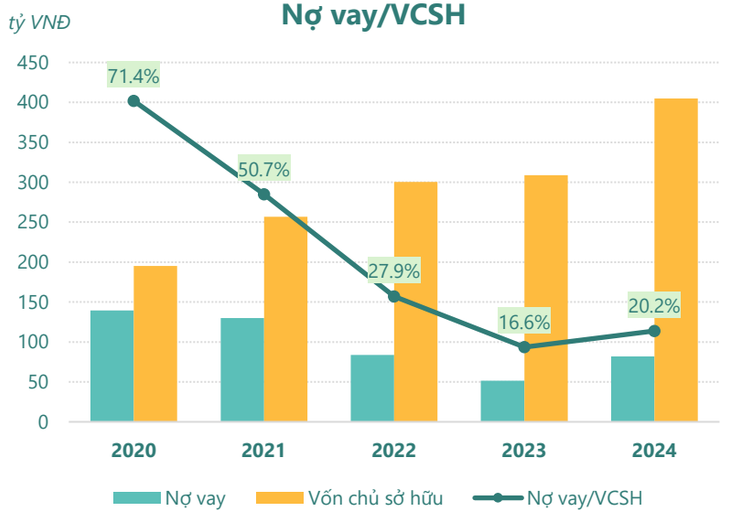
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



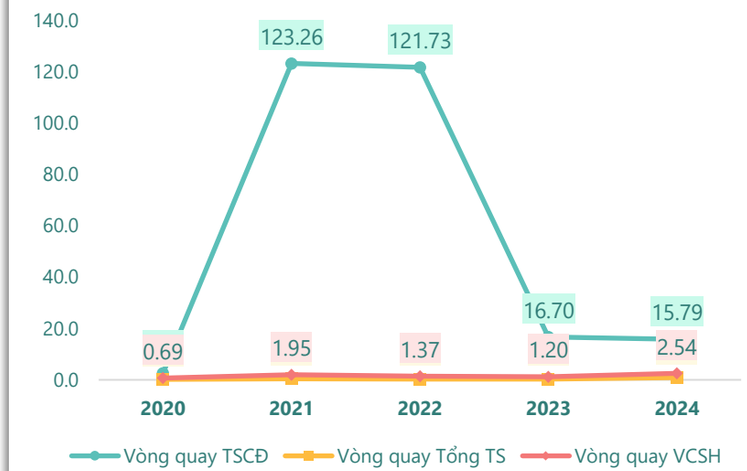
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



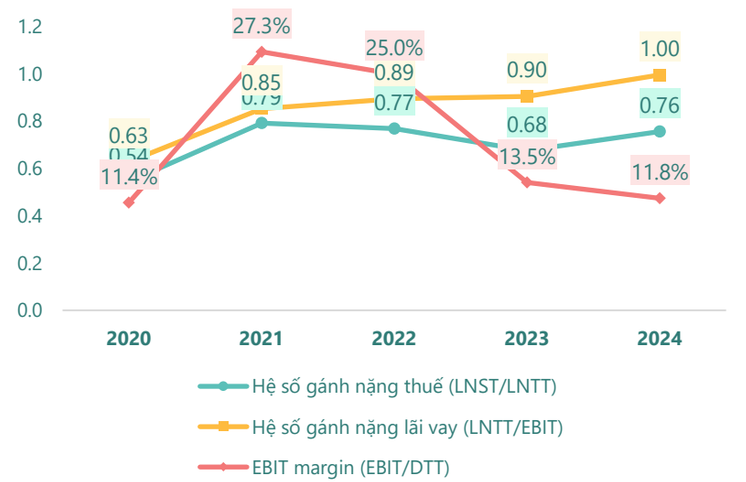
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



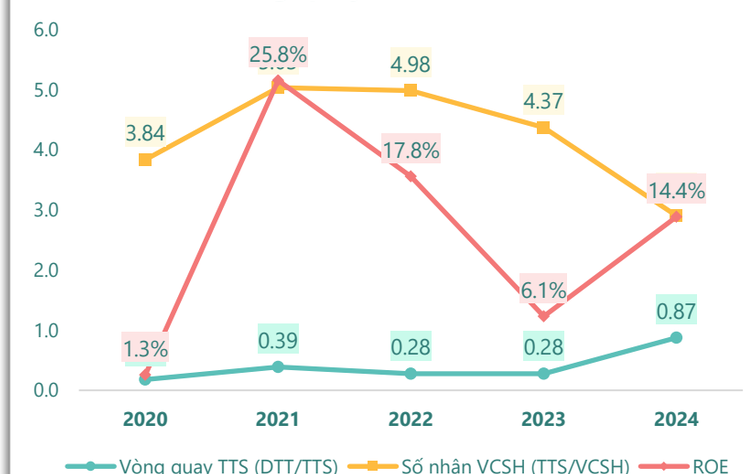
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



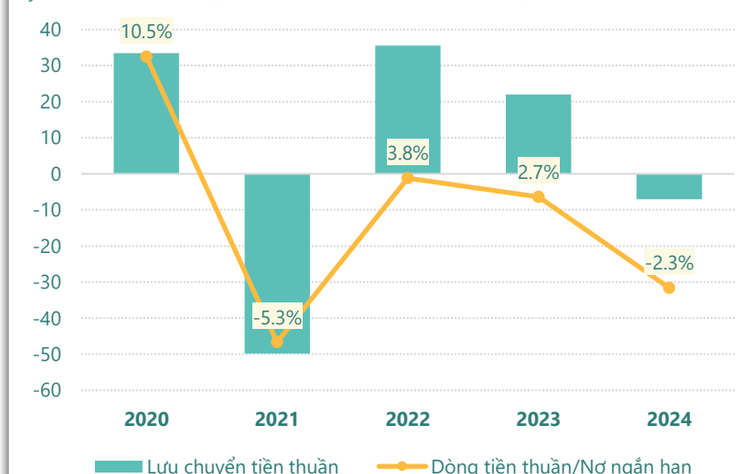
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**23.5**	**121**	**-80.5%**	**56.7**	**312**	**-81.8%**
Giá vốn hàng bán	20.0	108	-81.5%	46.7	277	-83.1%
Lợi nhuận gộp	3.58	13.4	-73.3%	9.97	35.0	-71.5%
Doanh thu HĐTC	1.31	1.04	25.8%	5.44	6.67	-18.5%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	2.83	0.08	3622%
Chi phí lãi vay	0	0.00		2.71	0.06	4650%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.89**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	4.16	-100%	0	13.2	-100%
Chi phí QLDN	**4.49**	**7.70**	**-41.6%**	**12.6**	**20.3**	**-38.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.40	2.58	-84.7%	0.89	8.09	-89.0%
Lợi nhuận khác	**-0.24**	**0.91**	**-126%**	**0.85**	**2.60**	**-67.3%**
LN trước thuế	0.16	3.49	-95.6%	1.73	10.7	-83.8%
Lợi nhuận sau thuế	**0.15**	**2.76**	**-94.6%**	**1.57**	**7.62**	**-79.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.14**	**1.97**	**-92.7%**	**1.39**	**4.43**	**-68.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.5	24.0	12.9	-27.6	-97.2	-0.78
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.21	-1.87	-78.9	9.18	3.30	0.45
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	1.00	53.0	-8.43	90.2	-7.21
Tiền đầu kỳ	64.1	57.8	80.9	67.8	41.0	37.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.29**	**23.2**	**-13.1**	**-26.8**	**-3.74**	**-7.54**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	57.8	80.9	67.8	41.0	37.3	29.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**755**	**810**	**-6.7%**
Tài sản ngắn hạn	397	609	-34.8%
Tiền và tương đương tiền	29.7	67.8	-56.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	33.2	-100%
Phải thu ngắn hạn	350	497	-29.6%
Hàng tồn kho	10.5	9.12	14.8%
Tài sản ngắn hạn khác	6.60	1.53	332%
Tài sản dài hạn	**359**	**201**	**78.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	71.1	74.4	-4.4%
Bất động sản đầu tư	8.65	8.61	0.5%
Tài sản dở dang	271	112	142%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.49	0.60	149%
Tài sản dài hạn khác	**1.67**	**0.07**	**2339%**
Lợi thế thương mại	4.51	5.56	-18.9%
Nợ phải trả	365	405	-9.8%
Nợ ngắn hạn	**271**	**301**	**-9.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	78.8	39.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.5	52.6	-64.9%
Nợ dài hạn	94.3	104	-9.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.03	3.03	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**390**	**405**	**-3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**390**	**405**	**-3.7%**
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)